

CÔNG CUỘC KHAI THÁC TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ PHÁT HUY VỊ THẾ THƯƠNG MẠI VÙNG BIỂN ĐẢO HÀ TIÊN - KIÊN GIANG TRONG MẠNG LƯỚI THƯƠNG MẠI ĐÔNG NAM Á DƯỚI THỜI CÁC CHÚA NGUYỄN

NGUYỄN THIỆT TRUNG*

Khi chúa Nguyễn thụ đắc vùng đất Hà Tiên từ Mạc Cửu thì vùng biển đảo Hà Tiên - Kiên Giang cũng được sáp nhập vào lãnh thổ của chính quyền Đàng Trong. Trên thực tế, trước năm 1708, công cuộc khai thác tài nguyên thiên nhiên ở vùng biển đảo này đã diễn ra với nhiều hoạt động kinh tế phong phú. Tuy nhiên, chỉ từ khi đặt dưới sự quản lý của chính quyền chúa Nguyễn, các hoạt động kinh tế ở vùng biển đảo Kiên Giang - Hà Tiên mới đi vào quy củ và hiệu quả hơn. Bên cạnh việc khai thác các nguồn tài nguyên thủy hải sản, lâm thổ sản..., thì chính quyền chúa Nguyễn cũng chú trọng phát triển ngoại thương, xây dựng các cảng thị trong vùng trở thành những trung tâm giao thương nhộn nhịp trong mạng lưới thương mại Đông Nam Á.

1. Khai thác nguồn lợi vùng biển đảo Hà Tiên - Kiên Giang

Việc khai thác nguồn tài nguyên ở vùng biển đảo Hà Tiên - Kiên Giang, trong đó có sinh vật biển dưới thời Mạc Cửu còn nhiều hạn chế do thời điểm này, mật độ dân số còn thấp. Những lớp cư dân người Việt,

Hoa, Thái Lan, Campuchia, nhóm Malay (1) chỉ tập trung tại một số khu vực nhất định mà chưa lan tỏa ra toàn vùng. Tại khu vực Rạch Giá, người Hoa và người Việt từ miền Trung di cư đến và "*làm ăn chung đụng với người Miên*". Người Hoa sinh sống bằng cách mua bán với người Miên thông qua đường biển. Trong khi đó, đa số người Việt là ngư phủ. Ở khu vực đảo, ngoài Phú Quốc có người sinh sống, các đảo khác thường ít dân cư, thậm chí là không có người (2). Một trở ngại khác là đất đai vùng ven biển từ Cà Mau đến Kiên Giang chủ yếu là đất có độ axit cao và thường bị ảnh hưởng bởi nước biển, không phù hợp với hoạt động kinh tế nông nghiệp. An ninh khu vực này cũng thường không ổn định do chiến tranh và cướp biển.

Từ sau năm 1720, Hà Tiên được xây dựng lại sau chiến tranh và nhanh chóng trở thành "một trung tâm kinh tế mới nổi quan trọng trong vịnh Xiêm La và cửa sông Bassac" (3). Dân số Hà Tiên gia tăng nhanh. Một trong những nguồn quan trọng là do những cuộc di dân của người Trung Quốc (4). Mặt khác, từ năm 1757, toàn bộ vùng

* ThS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Tp.HCM

Nam Bộ ngày nay thuộc về chính quyền chúa Nguyễn, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu dân người Việt đến vùng Hà Tiên sinh sống, khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Các loại thủy hải sản vùng biển này khá phong phú như cá heo, cá chim, cá bẹ, cá ngừ, mực, tôm, lươn, trai, con sam, cá rô, cá thu, cá dao, cá lạt, cá nhám, cá cơm, cua, ốc, sò,... Các loại có vỏ gồm đồi mồi, ba ba biển, ba ba sông, ba ba đồng,... cũng được đánh bắt, phục vụ cho nghề thủ công mỹ nghệ (5). Lực lượng chủ yếu khai thác các loại thủy hải sản là người Việt và người Hoa. Không chỉ thu hút cư dân tại chỗ, đến mùa, ngư dân từ các vùng khác cũng vùng biển Hà Tiên - Kiên Giang cất chài đánh bắt cá. Trong hàng hóa xuất khẩu của cảng Hà Tiên, các loại cá khô, bong bóng cá,... đã được bán đến tận vùng Đông Nam Á hải đảo.

Tại khu vực ven biển Rạch Giá, dân định cư gồm ba nhóm chính là người Hoa, người Việt và người Khmer. "... Nơi đất sinh lầy gần ven biển, người Việt có thể sống với nghề chài lưới ngoài biển, làm chút ít ruộng lúa sớm (gặt vào khoảng tháng mười âm lịch). Họ đắp đập ngăn nước mặn, sát vàm rạch. Họ tạm xài nước dự trữ thiên nhiên dưới lớp than bùn; nước ngọt thì ra ngoài Hòn Tre mà chở về, hoặc Hòn Khoai, ở mũi Cà Mau. Nơi vùng ven biển thấp và sinh lầy này, họ sống trong hoàn cảnh thiếu vệ sinh, nhiều muỗi mòng, có bệnh rét rừng nhưng tránh được sự va chạm với người Miên ở những vùng đất giồng, cao ráo hơn" (6). Trong khi đó, người Miên sống ở những giồng đất cao ven sông chung quanh các chùa. Mỗi xóm gọi là srok hoặc sóc.

Khai thác tài nguyên trên đảo Phú Quốc được tiến hành bởi các cư dân sinh sống ở đây, Phú Quốc là đảo có diện tích lớn nhất, cũng là đảo có dân cư đông nhất trong hệ thống đảo thuộc Hà Tiên - Kiên Giang. Ngoài giá trị phát triển kinh tế, Phú Quốc

còn giữ một vị thế quan trọng trong việc đảm bảo an ninh - quốc phòng trong quan hệ với Chân Lạp và Xiêm thời bấy giờ. *Đại Nam nhất thống chí* có những miêu tả ngắn gọn về hoạt động kinh tế trên các đảo "Lúc đầu trung hưng, vua Thế Tổ Cao Hoàng Đế thường nghỉ chân ở đây, nhân dân đều giúp sức hết lòng, hoặc là thám báo dịch tình, hoặc là cung cấp vật dụng, nên sau khi nước nhà đại định, được vua ân miễn sưu thuế cho người trong đảo; cho đến ghe thuyền buôn bán hay đánh cá cũng được miễn thuế" (7). Những cư dân trên đảo Phú Quốc đã khai thác các nguồn tài nguyên lâm sản và hải sản, đặc biệt là việc buôn bán với các nước khác và đất liền.

- Khai thác huyền phách

Huyền là loại than đá có độ cứng bóng và rất đẹp. Huyền có 4 loại là huyền cháy, huyền bóng, huyền giòn và huyền dẻo. Mỗi loại có một đặc trưng riêng: huyền cháy chắc, nước bóng có độ ngời cao; huyền giòn có độ cứng cao nhưng rất giòn và dễ vỡ; huyền bóng có hình dáng bên ngoài khá trơn tru nhưng thật bên trong lại kém; huyền dẻo ít bị nứt, rất dễ chế tác. Ngoài giá trị thẩm mỹ, theo kinh nghiệm dân gian, huyền phách còn có tác dụng để chữa bệnh. Khai thác huyền là một trong những hoạt động kinh tế phổ biến của người dân trên đảo, đặc biệt là Phú Quốc. Trong *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn ghi "... huyền phách sản ở trấn Hà Tiên, có khối lượng như đồng, sắc đen như sắt, người ta nói dùng nó có thể lảnh được gió độc, tiện làm tràng hạt..." (8).

- Khai thác tài nguyên lâm sản

Hệ thống đảo ở Kiên Giang - Hà Tiên có nhiều loại động vật và thực vật quý, có giá trị kinh tế cao. Người dân khai thác gỗ, mây, tre... để xuất khẩu. Giữa thế kỷ XVIII, nhu cầu cây mây cho việc đóng gói trà ở Trung Quốc - bạn hàng quan trọng của Đàng Trong - tăng cao. Đây là nhân tố

chính thức đẩy nhà Nguyễn tăng thuế đối với người cung cấp loại nguyên liệu này. Năm 1769, người đóng thuế chỉ phải trả 1.000 pieces cho mây mỗi năm thì sau đó phải trả 3920 pieces, tăng gấp 4 lần (9). Năm 1790, chúa Nguyễn Ánh “ra lệnh cho hai dinh Trấn Biên và Phiên Trấn mộ người lập các nậu biệt nạp (nậu dầu rái, mỗi người mỗi năm nộp 8 vò; nậu dầu trám, mỗi người nộp 800 cân, đèn nến lớn mỗi người nộp 1 cây dài 4 thước, lưng tròn 1 thước 2 tấc, nến nhỏ 40 cây; nậu mây sắt mây nước, mỗi người nộp 14.000 sợi, mỗi sợi dài 7 thước, bề ngang 3 phân; nậu lá buồn, mỗi người 4.000 lá; nậu buồm lá, mỗi người 80 bó; thuế thân thì nộp lệ thường; dao dịch đều miễn” (10).

Các sản phẩm lâm sản còn được dùng để phát triển nghề đóng thuyền. Năm 1791, chính quyền chúa Nguyễn định lệ biệt nạp dầu rái cho đạo Long Xuyên (dân ở hòn Sơn Lại) mỗi năm phải nộp 5 vò dầu rái (11). Nghề đóng thuyền là một nghề lâu đời ở Đàng Trong. Dưới thời Mạc Thiên Tứ, “trấn thự cũ Hà Tiên ở huyện Hà Châu..., phía Bắc miếu có xưởng đóng thuyền, đắp lại lộ để chia khu vực ngang dọc” (12). Trong suốt thời gian nương nhờ Xiêm, Nguyễn Ánh cùng thuộc hạ thường xuyên đưa thuyền hư hỏng đến Phú Quốc để sửa lại. Năm 1789, Nguyễn Ánh “sai các quân đóng chiến thuyền lớn hơn 40 chiếc, thuyền đi biển hơn 100 chiếc, lại sai các nha văn võ cùng các đạo thủ thuộc các dinh Trấn Biên, Trấn Định và Vĩnh Trấn đi lấy ván gỗ để nộp. Những dân phụ lữ, sái phu và cục tượng các dinh, các đội nậu biệt nạp, thuộc binh các nha, cứ 40 người thì nộp ván đóng một chiếc sai thuyền, các đạo thủ Long Xuyên 10 chiếc, Kiên Giang 3 chiếc, Trấn Giang 5 chiếc, Phú Quốc 8 chiếc” (13).

Cư dân trên các đảo cũng sản xuất nông nghiệp. Nhiều dấu tích trong việc canh tác lúa nước, chăn nuôi và trồng trọt còn thể hiện qua một loạt các địa danh như đồng

Bà, búng Dinh Bà, dinh Bà.... Đất đai ở đảo Phú Quốc thuộc loại đất đỏ vàng rất thích hợp với sự phát triển của hồ tiêu. Hồ tiêu Phú Quốc có vị thơm và cay nồng. Tiêu được trồng chủ yếu bởi người Hoa.

Bên cạnh đó, nguồn tài nguyên ven biển cũng được khai thác. Ở khu vực ven biển Rạch Giá, chủ yếu là lấy sáp ong và khai thác sán chim. Khu vực này có loại cây giá - một loài cây ngập mặn - mà ong hút hoa của loài cây này cho sáp màu vàng. Loài cây này không chỉ giúp cho chất lượng mật ngon và nhiều hơn mà còn cung cấp cho cộng đồng cư dân vùng U Minh loại chất độc chiết xuất từ lá. Loại chất độc này có tác dụng làm tê liệt thần kinh và cư dân địa phương dùng nó để đánh bắt cá (14). Những gia đình người Khmer thường thu hoạch mật và sáp vào mùa xuân. Sau đó, họ bán cho thương thuyền người Trung Hoa. Địa điểm trao đổi hàng hóa chủ yếu tại các vùng cửa sông (15).

Vùng ven biển từ mũi Cà Mau đến Hà Tiên là rừng rậm, nơi mà nhiều loài chim cư trú, là nguồn tài nguyên khổng lồ cho nghề khai thác sán chim. Lông chim được khai thác, tập trung lại để bán cho thương nhân Trung Hoa chở về Hải Nam rồi xuống Mã Lai nhằm kết quạt. Những người làm nghề này định cư chủ yếu gần chợ Rạch Giá. Nhưng nghề này không ổn định vì các chúa Nguyễn thường ban lệnh cấm. Năm 1789, chính quyền Đàng Trong “bãi bỏ thuế sán chim (điểu đình) ở Hà Tiên. Ở đạo Kiên Giang thuộc Hà Tiên, hai thôn Đông Nam và Vĩnh Hòa thường có chim tụ tập rất nhiều, nhân dân đánh lấy lông chim đem bán mà nộp tiền thuế, gọi là thuế sán chim. Vua cho việc ấy có hại loài sinh vật nên bãi đi và cấm từ nay không được đánh lấy trộm nữa” (16). Tại vùng Bãi Ốt (Nam Phổ), cư dân người Việt đến sinh sống và hình thành một xóm chài từ rất sớm. Khu vực này có nhiều “con sò sọc đỏ” (hay còn gọi là hồng

văn cấp) như *Gia Định thành thông chí* ghi nhận (17) là một sản vật địa phương, được người dân khai thác rất nhiều.

2. Cảng thị và hoạt động thương mại vùng Hà Tiên - Kiên Giang trong mạng lưới thương mại Đông Nam Á

Chính sách phát triển kinh tế thương mại của các chúa Nguyễn

Tính mở về mặt địa lý cũng như lịch sử phát triển thương mại lâu đời của dải đất từ khu vực miền Trung đổ vào, ít nhiều, ảnh hưởng đến chính sách thương mại của các chúa Nguyễn. Tại Nam Bộ, các chúa Nguyễn rất chú trọng phát triển kinh tế thương mại. Kinh tế thương mại là loại hình kinh tế chủ lực, giúp chính quyền Đàng Trong thu được nhiều lợi nhuận và thiết lập quan hệ với các nước lân bang. Trong thế kỷ XVIII, các cảng thị vùng Nam Bộ giữ vai trò như những đại lý trong mạng lưới thương mại Đông Nam Á, nhất là trong buôn bán với Trung Quốc. Các cảng thị này thu mua và đôi khi là nơi tổ chức sản xuất cho thương thuyền Trung Quốc (18). Lợi nhuận từ thương mại đã giúp chính quyền Đàng Trong “chống chọi với kẻ địch” và “kiếm được lời rất lớn trong các cuộc trao đổi này, không những chỉ vì các vị đó nhận được những tặng phẩm thật đẹp và lấy cho mình phần quý báu nhất trong số hàng hóa được các tàu chở đến, mà còn vì các tàu vào ra cảng đã bị đánh thuế khá nặng” (19).

Quản lý vùng Hà Tiên - Kiên Giang, Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ thực hiện một chính sách thương mại mềm dẻo, thậm chí là miễn thuế nhằm thu hút các thương nhân nước ngoài. Dưới thời Mạc Cửu, ông nhiều lần cử các thương thuyền ra nước ngoài để liên hệ mậu dịch. Năm 1728 và 1729, Tổng trấn Hà Tiên cử Lưu Vệ Quân và Huỳnh Tập Quang mang hai thương thuyền sang Nhật Bản đặt vấn đề thương mại và được chính quyền Mạc Phủ Đức Xuyên cấp phép.

Tiếp nối, năm 1731 và 1732, Mạc Cửu lại cử thương thuyền sang Nhật Bản để buôn bán. Chính sách này được đẩy mạnh dưới thời chính quyền Mạc Thiên Tứ. Năm 1740 và 1742, Mạc Thiên Tứ đã phái Ngô Chiêu Viên và Lâm Thiên Trường sang Nagasaka tìm kiếm cơ hội giao thương. Thêm vào đó, sự ổn định của Hà Tiên dưới thời Mạc Thiên Tứ còn giúp ngoại thương vùng này phát triển mạnh mẽ hơn (20). Sự mềm dẻo trong chính sách đối với các thành phần dân tộc và cả đối tượng ngụ cư của họ Mạc tạo nên sự an cư cho cộng đồng, giúp các dân tộc chung sống hòa bình, cùng khai thác tài nguyên vùng Hà Tiên. Những biện pháp mà Mạc Thiên Tứ áp dụng với những nhà truyền giáo và giáo dân là ví dụ điển hình. Mạc Thiên Tứ đã cho phép các giáo sĩ đến định cư và xây dựng trường tại Hòn Đất (21). Sự cộng hưởng trong chính sách kinh tế của cả chính quyền trung tâm (chính quyền chúa Nguyễn) và chính quyền “bán tự trị” vùng biên (chính quyền họ Mạc) đã giúp thương mại vùng biển từ mũi Cà Mau đến Hà Tiên phát triển mạnh trong khung cảnh của một vịnh Xiêm La nhộn nhịp. Vùng Hà Tiên trở thành điểm đến thường xuyên những thương thuyền Trung Quốc đến từ Batavia, Trung Quốc, Melaka, Xiêm và các tỉnh thành thuộc Nam bộ ngày nay đến giao thương (22).

Vị trí địa lý đặc địa - tiền đề để việc xây dựng những cảng thị tốt

Hà Tiên là nơi hội tụ của ba luồng thương mại lớn chồng lấn nhau. Luồng thương mại thứ nhất là hạ lưu sông Mê Kông kết nối với vùng nội địa Chân Lạp. Luồng thương mại thứ hai từ hướng Bắc, Hà Tiên luôn giữ mối giao thương gần với các thương cảng phía Nam và miền Trung của Việt Nam. Thứ ba là luồng thương mại các bán đảo phía Đông là Peninsula, Riau-Lingga và vùng Palembang-Bangka (Indonesia). Trong hệ thống các cảng sông

ở hạ lưu sông Mêkông, chỉ có Hà Tiên là liên kết được với sông Bassac (23) nơi tập trung hàng hóa của cả Đàng Trong và Chân Lạp.

Hà Tiên cũng nằm ở cửa sông Giang Thành, phía trên gần với sông Bassac, nhánh phía Nam của sông Mêkông. Điều này cho phép thương nhân đi lên phía trên dòng sông và thực hiện những trao đổi ngắn qua vùng đất liền đến Bassac. Nhưng, hai nhánh sông này liên kết được với nhau vào mùa mưa. Vị trí thuận lợi này cho Hà Tiên một đặc quyền là có thể giành được những sản phẩm từ PhnomPenh - là chợ của những sản phẩm đến từ toàn bộ Chân Lạp và các thành phố miền Nam Vạn Tượng. Giao thương của Kampong Som và Kampot không được năng động như Hà Tiên, bởi nó gặp khó khăn với liên kết với PhnomPenh. Hai trung tâm này, không có liên kết đường thủy với PhnomPenh. Thương nhân và cửu vạn phải vận chuyển hàng hóa bằng xe bò với thời gian dài và khó nhọc hơn. Vai trò của các thương cảng này thể hiện ở chỗ đáp ứng những yêu cầu và cung cấp hàng hóa cho Hà Tiên (24). Trong suốt 20 năm (1750-1770) sau khi Ayudhya sụp đổ, các trung tâm kinh tế Chân Lạp gặp khó khăn, Hà Tiên vươn lên như là một thương cảng sầm uất nhất của vịnh Xiêm La.

Hà Tiên cũng là một trong những thành phố dọc bờ biển vịnh Xiêm La như Bang Plasoì (nay là Chonburi), Rayong, Chantaburi và Trat - các cảng thị nằm trong hệ thống thương mại Biên giới nước (Water Frontier) (25). Trong suốt thế kỷ XVII - XVIII, thương mại trên biển diễn ra hầu hết khắp các đại dương. Thương thuyền các nước phương Tây và phương Đông đã gặp gỡ, trao đổi, buôn bán hàng hóa (26).

Suốt thế kỷ XVIII, Hà Tiên là cảng thị quan trọng nhất trong hoạt động thương

mại vùng biển phía Tây Nam của khu vực Đàng Trong. Hà Tiên trở thành trung tâm "xuất cảng các hàng hóa của Chân Lạp được chở đến đây theo đường thủy và có thể cả những sản phẩm của Nam bộ" (27). Chính vì nguồn lợi từ thương mại này đã thôi thúc các chúa Nguyễn cũng như chính quyền Xiêm phải chiếm bằng được vùng Hà Tiên.

Vùng biển Hà Tiên - Kiên Giang còn có một số cảng khác như Rạch Giá, Cà Mau, Hòn Đất... "Thương cảng Rạch Giá là thương cảng phụ so với Hà Tiên. Cảng Kiên Giang (Rạch Giá) thì nằm ở phía Đông trấn thự, cách hơn 193 dặm; đạo Kiên Giang ở bờ Tây trong cảng, phố chợ trù mật, thuyền buôn họp đông; phía Đông đến thủ Trấn Giang sông Hậu Giang 303 dặm rưỡi. Khoảng giữa chỗ cây vòng làm đại giới bùn lầy nhão nhoẹt, cỏ cây rập rập, mùa xuân cạn khô, thuyền không đi được; lại khổ về nhiều muỗi dĩa" (28). Đặc biệt, thương cảng Rạch Giá tập trung nhiều người Hoa đến từ đảo Hải Nam.

Những ghi chép từ *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam nhất thống chí* và *Gia Định thành thông chí* cho biết thêm một số cảng biển nhỏ đã được khai thác ở Phú Quốc, quần đảo Bà Lụa,... Nhưng những thương cảng này sớm mất đi tầm quan trọng. Nguyên nhân chính dẫn đến hậu quả này là do chiến tranh giữa Xiêm - Chân Lạp và Đàng Trong cùng với nạn cướp biển.

Nguồn hàng hóa cho cảng thị vùng Hà Tiên - Kiên Giang

Nguồn hàng hóa của Hà Tiên chủ yếu bằng đường sông từ Chân Lạp, Vạn Tượng và các tỉnh thành khác ở Nam Bộ và cả hàng hóa từ các đảo thuộc Đông Nam Á hải đảo. Thương mại nội địa trong khu vực hạ lưu sông Mêkông, trước thế kỷ XVIII, diễn ra khá sôi nổi. Sự ra đời của hai thành phố Lovek và Udong đã giúp Chân Lạp kiểm

soát được vùng Chaturamuk và kết nối thuận lợi hơn với các vùng nội địa. Thành phố PhnomPenh cũng nằm ở vị trí thuận lợi, nơi giao nhau giữa bốn nhánh sông, nơi buôn bán của những hàng hóa từ những thành phố xung quanh Chân Lạp và Vạn Tượng. Những tuyến đường sông nối Chân Lạp và Vạn Tượng cũng tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ thương mại với những vùng đất cao, nay là khu vực biên giới giữa ba nước Việt Nam, Campuchia và Lào (29). Hàng hóa tại Hà Tiên cũng được mang đến từ mạng lưới thương thuyền liên kết với vịnh Xiêm La, eo biển Melaka và cả Java (30) và nguồn hàng nữa là khai thác tại địa phương.

Xét về từng mặt hàng thì gạo xuất khẩu tại Hà Tiên là sản phẩm của đồng bằng sông Cửu Long. Các mặt hàng lâm sản thì đến từ Chân Lạp. Ngà voi được chuyển từ Chân Lạp về Hà Tiên. Số lượng ngà voi tập trung tại thương cảng này nhiều. Năm 1745, quân Xiêm tấn công Hà Tiên và đốt đi 200 tấn ngà voi (31). Sáp ong tại thương cảng này đến từ hai nguồn chính. Một, người dân tại vùng khai thác được và nguồn thứ hai đến từ Chân Lạp. Thuốc phiện và thiếc thì đến từ các địa phương thuộc khu vực Đông Nam Á hải đảo.

Cảng thị vùng Hà Tiên với vai trò trung chuyển hàng hóa, kết nối Đông Nam Á và Trung Quốc

Trong thế kỷ XVIII, lao động Trung Quốc đến làm thuê tại vùng Đông Nam Á lục địa và hải đảo ngày càng nhiều, tiêu biểu là ở các mỏ trên bán đảo Malay (Chumphon, Nakron Srithammarat và Songkhla ở miền Nam Xiêm La, Kelantan và Trengganu) ở bờ biển phía Đông. Ngoài ra, người thợ mỏ Trung Quốc còn xuất hiện ở Perak và Phuket (Junk Ceylon). Lực lượng lao động này gồm nông dân trồng tiêu và cau mít ở đảo Bantan thuộc quần

đảo Riau, thợ đào vàng ở Pontianak, Sambas, Mempawa và những nơi trên bờ sông Kapuas ở phía Tây Borneo, lao động trồng tiêu ở Brunei, đào thiếc ở Bangka (32). Nhu cầu nông phẩm cho lực lượng lao động này là rất lớn. Đây là nhân tố quan trọng, góp phần thúc đẩy Hà Tiên trở thành cảng trung chuyển hàng hóa của Chân Lạp, Đàng Trong và cả những thương cảng nằm xung quanh vịnh Xiêm La.

Mặt hàng đầu tiên ở Hà Tiên được thương nhân nước ngoài biết đến là gạo. Gạo đến Hà Tiên bởi hai đồng bằng lớn là đồng bằng sông Mêkông và đồng bằng sông Chaophraya (của Xiêm). Trước khi cảng thị Hà Tiên phát triển, gạo từ Chân Lạp được xuất khẩu sang Manila, Sulu và Hà Lan. Tuy nhiên, từ khoảng năm 1720, Hà Tiên đã đảm nhận vai trò này. Lượng gạo tập trung ở Hà Tiên với số lượng lớn và có giá thấp, mang lại lợi nhuận cao. Tuy nhiên, mặt hàng này không ổn định do phụ thuộc nhiều vào nhu cầu bán hàng cũng như năng suất mùa vụ ở các đồng bằng kể trên.

Một trong những bận hàng quan trọng trong việc thương mại gạo tại Hà Tiên là bán đảo Palembang. Lực lượng lao động Trung Quốc làm thuê lớn tại bán đảo này tạo ra một nhu cầu lớn về lương thực. Mỗi công nhân ở đây, mỗi tháng cần nửa picul gạo (khoảng 30kg) cùng với cá khô và rau củ. Những nhu yếu phẩm này được đảm nhận bởi thương cảng Hà Tiên từ năm 1740. Năm 1757, số lao động ở đây lên đến 25.000 người, nhu cầu nhập khẩu gạo hàng năm của vùng lên đến 150.000 piculs. Chính việc xuất khẩu gạo, cá khô và rau đến Palembang tạo điều kiện cho thương nhân Hà Tiên cơ hội thu mua thiếc rồi bán lại cho thương nhân Trung Hoa để họ chở về vùng Quảng Đông. Nhà nghiên cứu Li Tana cho rằng nếu không có nhu cầu về gạo của lao động Trung Quốc làm thuê thì

cũng sẽ không có việc Hà Tiên trở thành trung tâm cung cấp thiếc cho vùng Quảng Đông, Trung Quốc (33).

Thuốc phiện là một mặt hàng quan trọng khác của Hà Tiên. Ngay từ những ngày đầu Mạc Cửu chiếm đóng và khai thác, Hà Tiên vừa là sông bạc cũng vừa là trạm hút lớn của khu vực Đông Nam Á. Thuốc phiện ở Đông Nam Á và Trung Quốc chủ yếu do thương nhân người Hồi giáo, Bồ Đào Nha và thương nhân châu Âu đem đến từ rất sớm. Bằng chứng là từ năm 1360, vua Ramathubodhi đã ban hành lệnh cấm thuốc phiện “những người hút, tiêu thụ hay bán thuốc phiện sẽ phải nhận lấy những hình phạt nghiêm khắc, bị sung công toàn bộ tài sản, bị lưu đày trong nhiều ngày và bị tống ngục cho đến có thể từ bỏ thuốc phiện” (34). Sang thế kỷ thứ XVIII, những thương nhân người Anh trở thành người cung cấp thuốc phiện cho Trung Quốc và Đông Nam Á. Đây là mặt hàng không hợp pháp nên các thương nhân thường ngụy trang chúng trong hàng hóa mà họ đem đi bán. Quan lại ở Hà Tiên cũng thường đem gạo để đổi lấy thuốc phiện. Trước khi đến Ma Cau, những thương thuyền này thường đậu lại tại các cảng như Aceh, Kedah, Melaka, Riau, Palembang, Batavia, Bangjarmasin, Sulu và Brunei. Các thương nhân Hà Tiên thường mua thuốc phiện từ Riau. Riau là khu vực tập trung rất đông lao động Trung Quốc trồng cao mứt và hạt tiêu. Khoảng 10.000 nhân công Trung Quốc trồng tiêu và cao mứt tại đảo Bentan của quần đảo Riau (35).

Nước có quan hệ buôn bán bằng đường biển quan trọng nhất của Hà Tiên cũng chính là Trung Quốc. Những mặt hàng Hà Tiên xuất khẩu sang những thành phố, đồng thời cũng là những trung tâm kinh tế vùng bờ biển Trung Hoa gồm gạo, gỗ, thiếc và hồ tiêu. Hoạt động trao đổi buôn bán này có lịch sử lâu đời. Vùng Quảng Đông và Quảng Tây, Phúc Kiến thuộc Trung

Quốc là những bạn hàng thân thuộc của các thương cảng trong vịnh Xiêm La trước thế kỷ XVIII. Thương thuyền ở các tỉnh thành này thuận theo dòng biển chảy mạnh qua eo biển Đài Loan, dọc theo bờ biển phía Nam Trung Quốc, xuyên qua vùng trung tâm và miền Nam lãnh thổ Đàng Trong rồi đổ vào vịnh Xiêm La. Tính chất gió mùa đóng một vai trò quan trọng đối với sự phát triển thương mại trong vịnh Xiêm La và Đông Nam Á.

Từ năm 1750, Hà Tiên là nơi cung cấp thiếc quan trọng ở Đông Nam Á cho các thương nhân Quảng Đông, Trung Quốc. Ưu điểm của thiếc là nhẹ hơn các kim loại khác, dễ đóng thành những thùng đựng hàng, dễ mang vác từ các đồi chè - một mặt hàng thương mại hàng đầu giữa Trung Quốc và Anh - xuống các dòng sông, rồi được vận chuyển lên tàu của các thương nhân nước ngoài. Thùng thiếc cũng làm giảm quá trình oxy hóa lá chè và có thể tái sử dụng. Thiếc từ Đông Nam Á nói chung và Hà Tiên nói riêng, sau khi đến Quảng Đông, còn được các thương nhân châu Âu dùng để đóng dây các kiện hàng gồm sứ - một mặt hàng quan trọng khác của Quảng Đông (36). Thiếc tại cảng Hà Tiên còn xuất khẩu sang Amoy và Limpho (Ningbo).

Lượng thiếc tại các cảng thị vùng Hà Tiên - Kiên Giang được đem đến từ những người thợ mỏ Trung Quốc khai thác tại Bangka (37). Palembang - Bangka là nguồn cung cấp thiếc chính cho thương cảng Hà Tiên. Vào giữa thế kỷ XVIII, Hà Tiên có quan hệ buôn bán với một vị thủ lĩnh của quần đảo Palembang của Indonesia - một trong những vua giàu nhất ở quần đảo Indonesia và kiểm soát việc khai mỏ ở Bangka. Năm 1779, những thương nhân người Hà Lan nghe từ bạn hàng Trung Quốc đã thấy hai thuyền buôn từ Hà Tiên đến mua thiếc tại Palembang và mỗi chiếc chở khoảng 3.000 piculs sắt (38). Thiếc từ Palembang đến Hà Tiên là

lượng thiếc tốt. Việc buôn bán thiếc giữa cảng Hà Tiên và Palembang diễn ra với hai hình thức: hợp pháp và bất hợp pháp. Vua của vùng đảo này cho phép các thương thuyền từ Hà Tiên đến đây buôn bán một lượng thiếc nhất định. Thiếc còn được thợ mỏ Trung Quốc trộm bán cho các thuyền buôn. Năm 1767, lượng thiếc xuất khẩu từ cảng Hà Tiên tăng lên nhanh chóng. Hà Tiên trở thành một trong những cảng xuất khẩu kim loại này nhiều thứ nhì sau Palembang. Hà Tiên tiếp tục giữ vai trò này cho đến khoảng 1774 thì không còn nữa.

Bên cạnh đó, mặt hàng khác không thể thiếu trong giao thương với Trung Quốc là bột cọ, cây mây. Cọ và mây đều có tác dụng làm vật lót trong các thùng hàng chè hoặc gốm sứ Trung Quốc chở về châu Âu. Đặc tính của mây là mềm dẻo, chắc và không có mùi ảnh hưởng đến chất lượng chè.

Quan hệ thương mại vùng Hà Tiên - Kiên Giang với các cảng thị Đàng Trong

Bên cạnh hoạt động ngoại thương, Hà Tiên cũng buôn bán với các thương cảng ở khu vực miền Trung và miền Bắc Đại Việt. Mỗi quan hệ buôn bán này diễn ra khá sớm bởi ghi chép từ *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam liệt truyện*, chúa Nguyễn đã ban cho Mạc Thiên Tứ 3 chiếc thuyền long bài và cho phép tàu thuyền Hà Tiên đến buôn bán ở các thương cảng thuộc hai khu vực trên. Một lượng lớn thuyền buôn ở các thương cảng khác đã đến đây để mua gạo, sáp ong, ngà và các sản phẩm từ rừng khác (39).

Ở khu vực miền Trung, Hà Tiên có trao đổi thương mại với Hội An - một thương cảng quan trọng bậc nhất của khu vực. Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục* ghi quy định thuế của chính quyền Đàng Trong đối với tàu đến từ Hà Tiên "Tàu Thượng Hải lệ thuế đến là 3.000 quan, thuế về là 300 quan, tàu Quảng Đông lệ thuế đến là 3.000 quan, thuế về là 300 quan, tàu Phúc Kiến lệ thuế đến là 2.000 quan, thuế về là 200

quan... tàu Cựu Cảng lệ thuế đến là 500 quan, thuế về là 50 quan, tàu trấn Hà Tiên lệ thuế đến là 300 quan, thuế về là 3 quan, tàu Sơn Đô lệ thuế đến là 300 quan, thuế về là 30 quan" (40).

Mối quan hệ với các cảng thị khu vực Đàng Trong cung cấp cho cảng Hà Tiên nhiều mặt hàng nông lâm sản quan trọng. Ngoài gạo đã đề cập ở trên, cau là một trong những mặt hàng khá được các bạn hàng của thương cảng này ưa chuộng. Cau không chỉ đáp ứng nhu cầu ăn trầu của người Đông Nam Á, nó được sử dụng như một dược liệu tại Trung Quốc và nguyên liệu cho ngành công nghiệp nhuộm và thuộc da tại châu Âu. Sự phát triển thương mại của Hà Tiên là một trong những nguyên nhân chính khiến chính quyền Đàng Trong thông qua việc dòng họ Mạc có quyền đúc tiền riêng.

*

Trong thế kỷ XVIII, công cuộc khai thác tài nguyên thiên nhiên vùng biển đảo Hà Tiên - Kiên Giang đã được chính quyền họ Mạc và đặc biệt là chính quyền chúa Nguyễn quản lý chặt chẽ. Điểm nổi bật trong chính sách phát triển các hoạt động kinh tế biển đảo là việc chính quyền đã nhận thức được tầm quan trọng của kinh tế thương mại và xây dựng được các cảng thị vùng Hà Tiên - Kiên Giang trở thành những tâm trung tâm kết hàng hóa đến từ nhiều nguồn. Thương mại của cảng Hà Tiên phát triển mạnh mẽ từ năm 1740, đỉnh điểm của nó là từ năm 1750 đến năm 1770 (41). Trong suốt những năm 1760-1770, trong khi Xiêm, Chân Lạp và Đàng Trong bị tàn phá bởi chiến tranh thì vùng Hà Tiên lại là một nơi trú ẩn an toàn cho thương thuyền (42). Trong thời gian cực thịnh của mình, Hà Tiên cùng với các thương cảng Đàng Trong và Chân Lạp đem lại khoảng 75-85% nguồn lợi nhuận cho khoảng hơn 30 thương thuyền ở vùng Quảng Đông (43).

CHÚ THÍCH

- (1), (3), (4), (22), (30), (32), (42). Carl A. Trocki (2006), *Chinese revenue farms and borders in Southeast Asia*. In Faruqui, Munis, Eds. *Proceedings Expanding Frontiers in South Asian and World History*, Duke University, Durham, North Carolina; <http://eprints.qut.edu.au>, tr. 20.
- (2), (6). Sơn Nam, *Việc khai hoang Rạch Giá*, Tạp san *Sử địa*, số 19 - 20, 1970, tr 169-190.
- (5). Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện sử học, *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, tập 1, Nxb. Thuận Hóa, tr. 79.
- (7). Tu trai Nguyễn Tào, *Đại Nam nhất thống chí*, Lục tỉnh Nam Việt, Tập Hạ, An Giang-Hà Tiên, Nhà văn hóa, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, 1973, tr. 61, tr. 66-67.
- (8), (40). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Văn hóa Thông tin, tr. 424, tr. 291.
- (10), (11) (13), (16). Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (2002), *Đại Nam Thực Lục*, tập I, Nxb. Giáo dục, tr. 263, tr. 276, tr. 251, tr. 52.
- (9), (18), (23), (33), (36), (37) (38), (41), (43). Li Tana and Paul A. Van Dyke, *Canton, Cancao, and Cochinchina: New Data and New Light on Eighteenth-Century Canton and the Nanyang*, Chinese Southern Diaspora Studies, Volume 1, 2007, page 10 - 28, tr. 24, tr. 13, tr. 20, tr. 13, tr. 18, tr. 13, tr 13, tr. 12.
- (14), (15). David Biggs, *Managing a rebel landscape: conservation, pioneers, and the revolutionary past in the U Minh forest, Vietnam*, Environmental history 10 (July 2005), 2005, p.448-476, tr. 454, tr.454.
- (17). Trương Minh Đạt, *Nhận thức mới về đất Hà Tiên: khảo luận, đính chính, tư liệu*, Nxb. Trẻ & Tạp chí *Xưa và Nay*, Tp. Hồ Chí Minh, 2001, tr. 229.
- (19), (21). Charles B. Maybon, *Những người châu Âu ở nước An Nam, Việt Nam trong quá khứ*: Tư liệu nước ngoài, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr. 34, tr. 84.
- (20), (27). Lê Văn Năm, *Sản xuất hàng hóa và thương mại Nam Bộ thế kỷ XVII-nửa đầu thế kỷ XIX*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3+4, 1988, tr 54-60, tr. 59.
- (24), (29), (39). Rungswasdisab Puangthong, *War and trade: Siamese interventions in Cambodia, 1767-1851*, Doctor of Philosophy thesis, Department of History and Politics, University of Wollongong, 1995, tr. 45, tr. 31, tr. 78.
- (25). Donald Frederick Lach, Edwin J. Van Kley (1993), *Asia in the making of Europe*, Volum III, A century of advance, The University of Chicago Press, Chicago 1993, tr. 1298-1299.
- (26). Chingho A. Chen, "Mac Thien Tu and Phraya Taksin, a Survey on their Political Stands, Conflicts and Background", in *Proceedings of the Seventh I AHA Conference*, 22-26 August 1977, Bangkok, Chulalongkorn University Press, 1979, Vol. II.
- (28). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 72.
- (31). Hamilton Alexander, *A new account of the East Indies*, 2 volumes, London, the Argonaut Press, 1930, tr. 197.
- (34). Đặng Văn Chương, Bùi Trúc Linh, *Đóng góp của người Hoa trong nền kinh tế Xiêm nửa đầu thế kỷ XIX*, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4, 2011, tr. 18-27, tr. 24.
- (35). Carl A. Trocki, *Knowledge Management in the World of 18th Century Chinese Business*. In Dunn, Janet, Eds. *Proceedings: The Third International Research Conference 'Chinese Entrepreneurship and Asian Business Networks' "Value Creation through Knowledge Governance"* 22 (2), 2006, pages pp. 1-11, Lee Kong Chian School of Business & Wee Kim Wee Centre, Singapore Management University, Singapore.